

Tuần 1

Ngày soạn: 5/9/2023

Tiết 2 Bài 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ**I. Mục tiêu cần đạt :****1.Kiến thức :**

- Trình bày được một số đặc điểm dân số nước ta.
- Nguyên nhân và hậu quả sự gia tăng dân số.
- Đặc điểm thay đổi cơ cấu dân số và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số của nước ta nguyên nhân của sự thay đổi.

2. Kỹ năng :

- Vẽ biểu đồ gia tăng dân số .
- Phân tích biểu đồ bảng số liệu về dân số và dân số với môi trường.
- **Các kỹ năng sống cơ bản được giáo dục :**
 - Tư duy :
 - + Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , các bảng số liệu và bài viết để tìm hiểu về đặc điểm dân số Việt Nam .
 - + Phân tích mối quan hệ giữa gia tăng dân số với sự phát triển kinh tế xã hội .
 - Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo cặp .
 - Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần giảm tỉ lệ gia tăng dân số.

- Các phương pháp , kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng :

- Suy nghĩ – cặp đôi , chia sẻ, động não tranh luận .

3. Thái độ:

- Có ý thức chấp hành các chính sách của Nhà nước về dân số và môi trường . Không đồng tình với những hành vi đi ngược với chính sách về dân số, môi trường và lợi ích cộng đồng.

GDMT: Dân số tăng nhanh, gây sức ép tới tài nguyên và MT.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ.

*** Yêu cầu đối với học sinh khuyết tật(câm điếc): Chỉ cần chép đủ nội bài học ghi trên bảng.**

II. Chuẩn**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :****1. Giáo viên :**

- Biểu đồ dân số Việt Nam .
- Tháp dân số Việt Nam năm 1989, 1999.
- Tranh ảnh về một số hậu quả của dân số tới môi trường , chất lượng cuộc sống .

2. Học sinh : Sách giáo khoa. Atlas Việt Nam**III. Hoạt động học tập:****A. Khởi động: (4')**

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập.
- Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

2. Phương pháp:Trực quan

- Nêu vấn đề
- Đàm thoại gợi mở

3. Hình thức: Cá nhân

4. Tiến trình hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Năm 2018 dân số ta bao nhiêu triệu người?

? Dân số đông gây ra những hậu quả gì?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS

Bước 3: HS trả lời.

Bước 4: GV nhận xét dẫn dắt vào nội dung bài mới

B. Hình thành kiến thức mới: (33')

Hoạt động 1: Số dân (8 phút)

1. Mục tiêu: Biết được số dân của Việt Nam năm 2003 và hiện nay, nhận định được Việt Nam là quốc gia đông dân, từ đó đánh giá được nguyên nhân, hậu quả, giải pháp giải quyết vấn đề dân số.

2. Hình thức: cá nhân

3. Phương pháp: nêu vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>? Số dân Việt Nam năm 2003 là bao nhiêu?</p> <p>? Em biết gì về thứ tự diện tích và dân số của Việt Nam so với thế giới? Điều đó nói lên đặc điểm gì về dân số nước ta .</p> <p>? Hiện nay nước ta có bao nhiêu triệu người?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ , GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p>Bước 3: HS trình bày, nhận xét khác bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>80,9 triệu người</p> <p>- Diện tích đứng thứ 58 trên thế giới, dân số đứng thứ 14 trên thế giới . Đứng thứ 3 ở Đông Nam Á. Việt Nam là nước đông dân.</p> <p>- Dân số hiện tại của Việt Nam là 96.679.778 người vào ngày 12/09/2018 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc.</p>	<p>1. Số dân</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2003 dân số nước ta là 80,9 triệu người - Dân số hiện tại của Việt Nam là 96.679.778 người vào ngày 12/09/2018 - Việt Nam là nước đông dân đứng thứ 14 trên thế giới .
--	--	--

Hoạt động 2: Gia tăng dân số (15 phút)

1. Mục tiêu: HS biết được Việt Nam có tỷ lệ gia tăng dân số khác nhau giữa các thời kỳ, hiện nay bằng mức trung bình của thế giới là 1,4%. HS nêu được các nguyên nhân của việc gia tăng dân số, hậu quả và biện pháp giải quyết vấn đề dân số hiện nay.

2. Hình thức: cá nhân

3. Phương pháp: nêu vấn đề và giải quyết vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Quan sát biểu đồ hình 2.1</p> <p>? Nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta?</p> <p>? Cho HS thảo luận: Cho biết vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh ?</p> <p>? Dân số đông và tăng nhanh đã gây ra những hậu quả gì?</p> <p>GD bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nêu cao ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng</p> <p>? Nêu những lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta?</p> <p>- Hiện nay tỉ lệ sinh, tử của nước ta như thế nào? Tại sao?</p> <p>-Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giữa thành thị</p>	<p>Dân số nước ta tăng nhanh liên tục</p> <p>Tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, nguồn năng lượng bị khai thác quá mức</p> <p>Nâng cao chất lượng cuộc sống.</p> <p>Tỉ lệ sinh giảm. Tuổi thọ tăng</p>	<p>2. Gia tăng dân số</p> <p>- Dân số nước ta tăng nhanh liên tục, tăng cao trung bình 1 triệu người / năm</p>

<p>và nông thôn, miền núi như thế nào? - Dựa vào bảng 2.1, hãy xác định các vùng lãnh thổ có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất, thấp nhất, các vùng lãnh thổ có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn trung bình cả nước.</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ , GV quan sát và trợ giúp HS Bước 3: HS trình bày, nhận xét khác bổ sung. Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Khác nhau giữa các vùng</p> <p>cao nhất Tây Nguyên, Tây Bắc vì đây là vùng núi và cao nguyên * Dân số tăng nhanh, gây sức ép tới tài nguyên và môi trường</p>	<p>- Nhờ thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình nên những năm gần đây tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên đã giảm.</p> <p>- Dân số đông và tăng nhanh gây sức ép lớn đối với tài nguyên môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.</p>
--	--	--

Hoạt động 3: Cơ cấu dân số (10 phút)

1. Mục tiêu: HS biết được cơ cấu dân số theo độ tuổi ở Việt Nam thuộc loại trẻ nhưng đang có xu hướng già đi, cơ cấu dân số theo giới tính đang dần tiến tới cân bằng.

2. Hình thức: cá nhân

3. Phương pháp: đàm thoại, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề

4. Các bước hoạt động

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Căn cứ số liệu ở bảng 2.2 Nhận xét cơ cấu nhóm tuổi của nước ta thời kì 1979 – 1999 đặc biệt là nhóm 0-14 tuổi. - Nêu dẫn chứng và những vấn đề đặt ra về giáo dục, y tế, việc làm đối với các công dân tương lai? - Nhận xét tỉ lệ nam nữ ở nước ta? - Căn cứ số liệu ở bảng 2.2, hãy nhận xét tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ thời kì 1979 – 1999 -Tỉ lệ nam nữ có sự khác nhau giữa</p>	<p>Nước ta có cơ cấu dân số trẻ</p>	<p>3. Cơ cấu dân số</p> <p>+ Theo độ tuổi : - Nước ta có cơ cấu dân số trẻ. Tỉ lệ trẻ em đông . - Cơ cấu dân có xu hướng già đi, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và ngoài tuổi lao động tăng lên</p>

+ Có nguồn lao động dồi dào, nguồn bổ sung lao động lớn (nếu được đào tạo tốt thì đây là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước).

+ Tỷ trọng dân số nhóm tuổi 0-14 cao đặt ra những vấn đề cấp bách về văn hoá, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm cho số công dân tương lai này.

- BT3: Tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%) = (Tỷ lệ sinh – Tỷ lệ tử) / 10

- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên (%) : Vẽ biểu đồ là đường biểu diễn

- Chuẩn bị bài 3: Phân bố dân cư và các loại hình quần cư

+ Quan sát hình 3.1 và bảng 3.1

+ Sự phân bố dân cư ở nước ta như thế nào ?

+ Nước ta có các loại hình quần cư nào ? Đặc điểm ?

